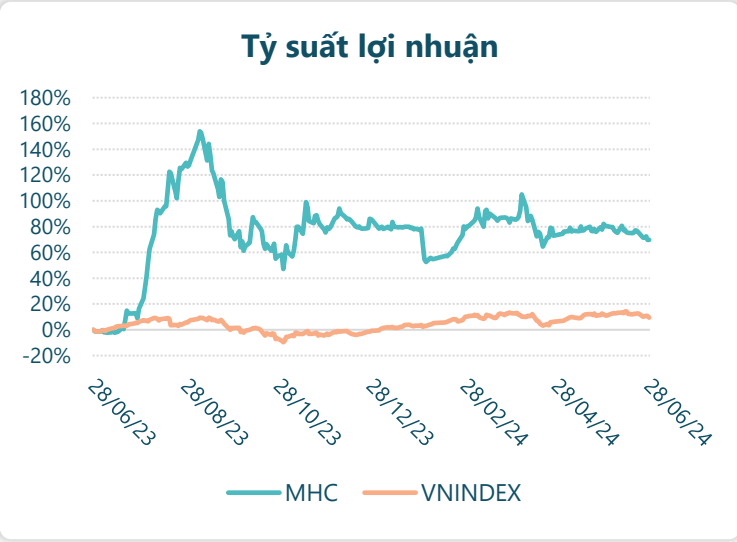


Ngày	8,650 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.6%	-8.9%	-5.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,980 - 12,950
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	358
Số lượng CPLH (CP)	41,406,844
KLGD BQ 20 phiên (CP)	444,819
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	0.86
EPS	522
P/E	16.6



Doanh thu thuần
Q2/24

3.74

tỷ VNĐ

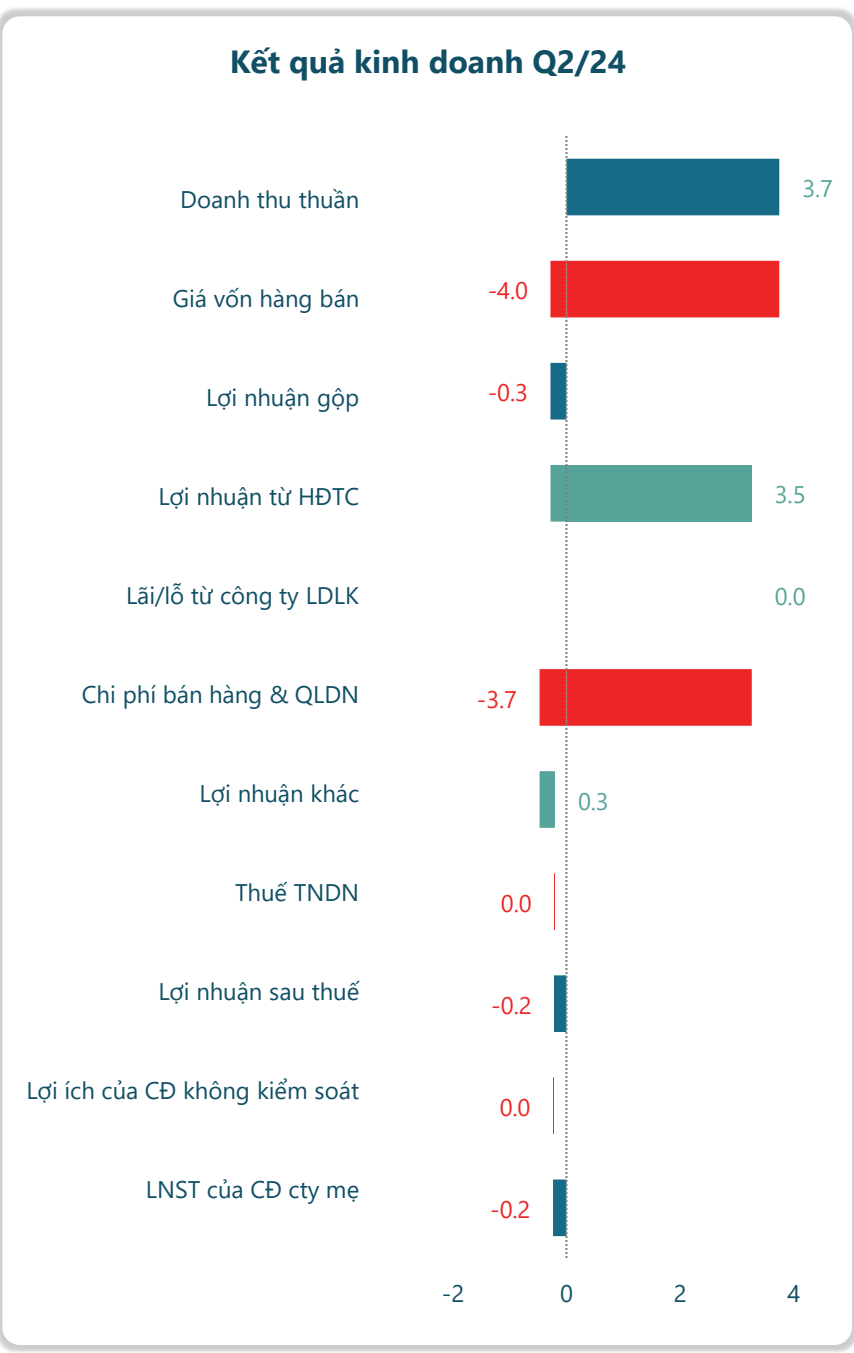
QoQ: ▼0.37 | -8.9%

YoY: ▼1.10 | -22.7%

Nợ/VCSH
Q2/24

42.7%

YoY: +/-▲ 9.4%



LN gộp
Q2/24

-0.28

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.01 | -4.2%

YoY: ▲ 0.17 | 37.5%

ROE (TTM)
Q2/24

4.0%

YoY: +/-▼ 9.3%

LN trước thuế
Q2/24

-0.20

tỷ VNĐ

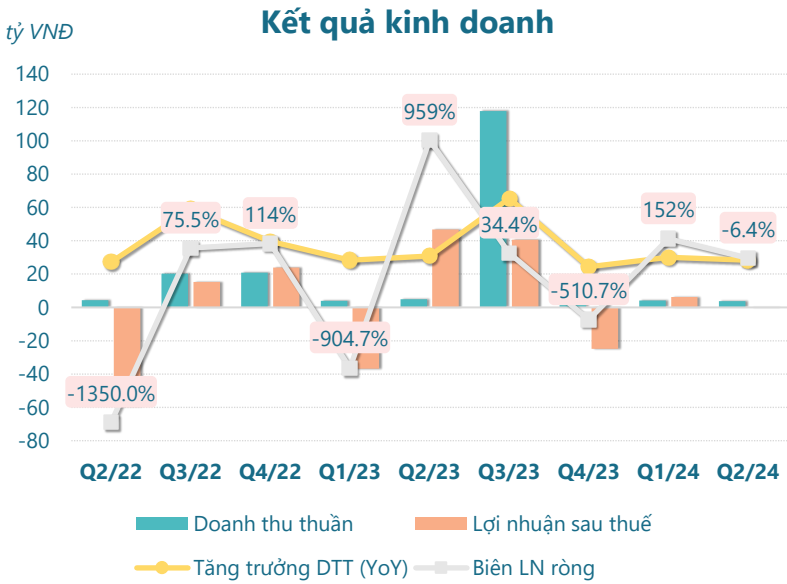
QoQ: ▼7.36 | -103%

YoY: ▼47.2 | -100%

ROA (TTM)
Q2/24

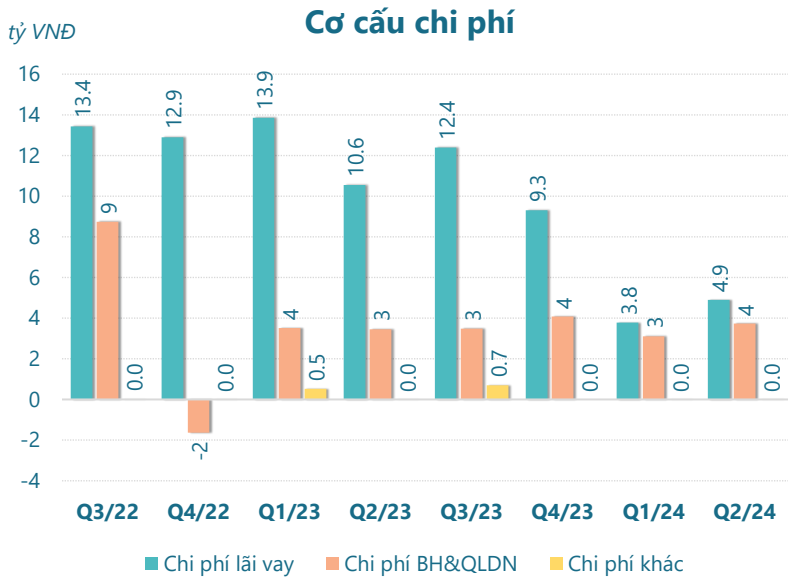
2.3%

YoY: +/-▼ 4.2%



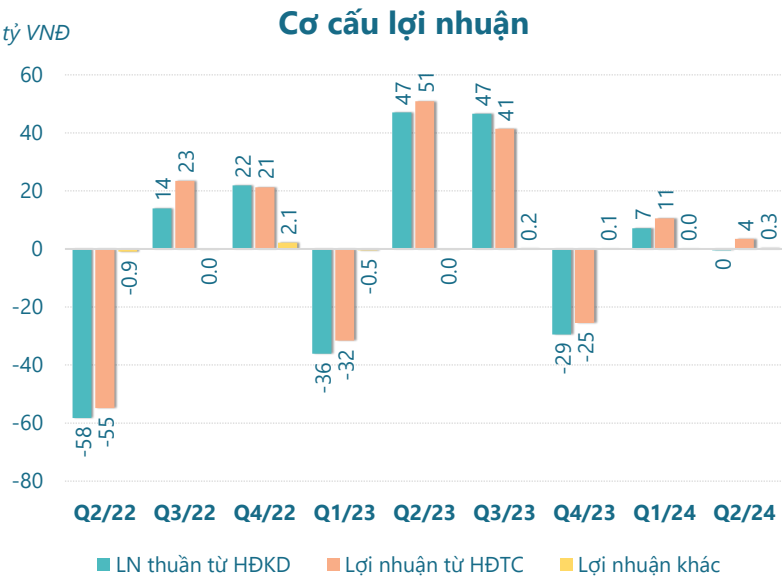
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** giảm đi 107% so với kỳ trước và thấp hơn 101% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 3.54 tỷ đồng**, giảm đi 66.4% so với kỳ trước và thấp hơn 93.1% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.27 tỷ đồng**, tăng thêm 0.27 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.27 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **MHC** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **3.74 tỷ đồng** giảm đi **22.7%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 0.22 tỷ đồng**, giảm sút **100%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **8.00 tỷ đồng** thấp hơn 11.1% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 6.00 tỷ đồng** thấp hơn 40.0% so với cùng kỳ năm trước.



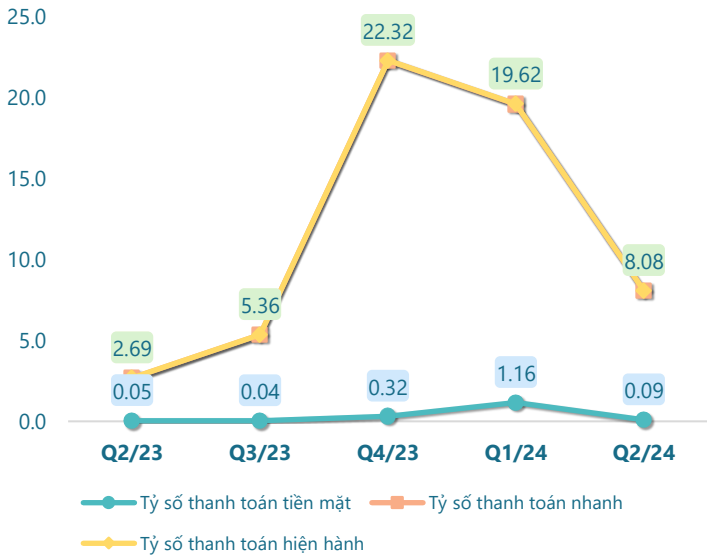
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **4.89 tỷ đồng** tăng thêm 29.0% so với kỳ trước và thấp hơn 53.6% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **3.73 tỷ đồng** tăng thêm 19.9% so với kỳ trước và cao hơn 8.12% so với cùng kỳ năm trước.

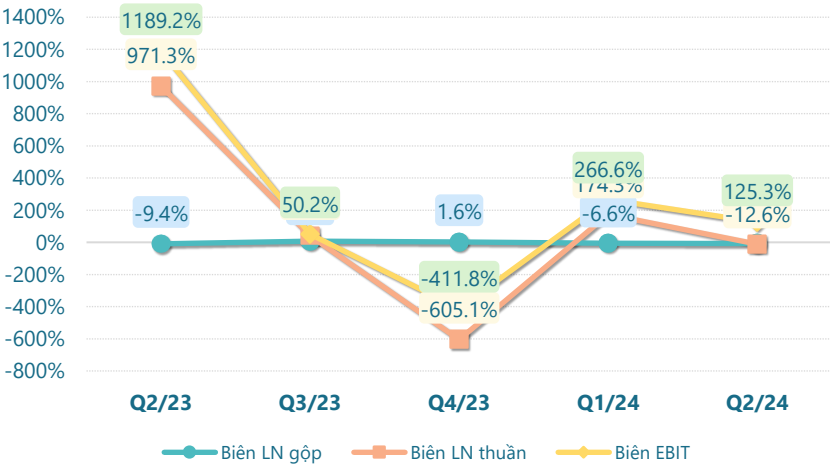
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	3.74	4.11	-8.9%	4.84	-22.7%	7.85	8.87	-11.6%
Giá vốn hàng bán	4.02	4.38	-8.1%	5.30	-24.1%	8.40	10.3	-18.3%
Lợi nhuận gộp	-0.28	-0.27	-4.2%	-0.45	37.5%	-0.55	-1.40	60.6%
Doanh thu HĐTC	9.98	16.1	-38.0%	22.5	-55.6%	26.1	35.1	-25.7%
Chi phí TC	6.44	5.57	15.7%	-28.4	123%	12.0	15.7	-23.6%
Chi phí lãi vay	4.89	3.79	29.1%	10.6	-53.9%	8.68	24.4	-64.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		-0.05	100%	0	0	
Chi phí QLDN	3.73	3.11	20.0%	3.49	6.9%	6.84	6.96	-1.6%
LN thuần từ HĐKD	-0.47	7.16	-107%	47.0	-101%	6.69	11.0	-39.3%
Lợi nhuận khác	0.27	0.00		0.00		0.27	-0.49	155%
LN trước thuế	-0.20	7.16	-103%	47.0	-100%	6.96	10.5	-33.9%
Lợi nhuận sau thuế	-0.22	6.26	-103%	46.8	-100%	6.05	10.1	-40.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.24	6.24	-104%	46.5	-101%	6.00	9.98	-39.9%

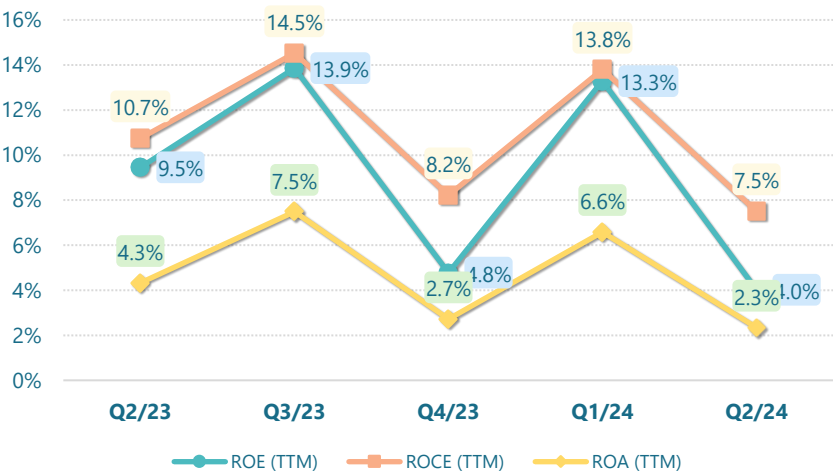
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

